

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ VĨNH CHÂU
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 26/11/2019

*V/v yêu cầu tuyên bố không
công nhận quan hệ vợ chồng,
tranh chấp về nuôi con*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU, TỈNH SÓC TRĂNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Lê Vũ Huy Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Triệu Khánh Long

Bà Nguyễn Huỳnh Hoa

Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Tú Phương - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Thị Diệp – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 208/2019/TLST–HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2019 về việc “*Yêu cầu tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 48/2019/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Trần Thị Sà N**, sinh năm 19xx; địa chỉ: ấp HH, xã LH, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng; (có mặt)

- *Bị đơn:* Anh **Lưu H**, sinh năm 19xx; địa chỉ: ấp DB, xã LH, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng; (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14/8/2019 và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Thị Sà N trình bày:

Năm 2000, chị Trần Thị Sà N kết hôn với anh Lưu H nhưng không đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn, chị N và anh H sống chung tại số nhà 51 ấp HH, xã LH, thị xã V. Cuộc sống chung hạnh phúc được thời gian đầu, chị N và anh H đã có 02 con chung là cháu Lưu Chí T (nam, sinh ngày 07/7/2001) và cháu Lưu Hoàng A (nam, sinh ngày 17/10/2007). Do bất đồng quan điểm và phát sinh

hiều mâu thuẫn, sống chung không hòa hợp nên chị N với anh H không còn yêu thương nhau. Từ năm 2014, anh H trở về sống tại số nhà 178 ấp ĐB, xã LH, thị xã V và chị N với anh H không còn sống chung. Nay, chị Trần Thị Sà N yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên bố không công nhận quan hệ sống chung giữa chị N với anh H là vợ chồng.

- Về con chung: Cháu Lưu Chí T đã trưởng thành nên không yêu cầu xem xét giải quyết. Riêng cháu Lưu Hoàng A có nguyện vọng sống chung với cha hay mẹ thì người đó trực tiếp nuôi dưỡng. Trường hợp chị N được quyền nuôi con chung, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Ngoài ra, chị N không trình bày gì thêm và không có yêu cầu gì khác.

Đối với anh Lưu H đã được cấp, tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án và thông báo về phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải về con chung, nhưng anh H không tham gia các phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải về con chung và cũng không có văn bản ghi ý kiến đối với yêu cầu của chị N.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã xác định đúng thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ tranh chấp, xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng, việc thu thập chứng cứ và gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát đảm bảo đúng quy định.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật về phiên tòa sơ thẩm.

Về nội dung, sau khi phân tích, đánh giá chứng cứ, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, đề nghị:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Trần Thị Sà N với anh Lưu H;

+ Về con chung: Giao cháu Lưu Hoàng A (nam, sinh ngày 17/10/2007) cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng. Anh H không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Đối với con chung tên Lưu Chí T (nam, sinh ngày 07/7/2001) đã trưởng thành, không có ý kiến hay yêu cầu, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Không có yêu cầu, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng

[1] Về sự có mặt của đương sự: Bị đơn anh Lưu H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia tố tụng tại phiên tòa, nhưng anh H vắng mặt không có lý do. Theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh H.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn chị Trần Thị Sà N yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị N với anh Lưu H, do anh chị chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn. Nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, quan hệ pháp luật tranh chấp là “Không công nhận quan hệ vợ chồng” theo Khoản 8 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn anh Lưu H có địa chỉ tại số 178 ấp DB, xã LH, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng. Theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng Dân sự về thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện; điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự về thẩm quyền của Tòa án theo lãnh thổ, thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã V.

Về nội dung

[4] Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh H tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2000 nhưng không đăng ký kết hôn. Thời gian những năm tháng đầu anh chị chung sống hạnh phúc. Thời gian sau, do bất đồng quan điểm làm phát sinh mâu thuẫn, sống chung không hòa hợp nên chị N với anh H không còn yêu thương nhau và đã ly thân từ năm 2014 cho đến nay. Nay chị N yêu cầu Tòa án tuyên bố quan hệ giữa chị N với anh H không phải là vợ chồng. Theo quy định tại Khoản 1 Điều 14; Khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 thì nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Chị N và anh H không đăng ký kết hôn mà chung sống với nhau như vợ chồng. Do đó, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa chị N với anh H.

[5] Về con chung: Cháu Lưu Chí T (nam, sinh ngày 07/7/2001) đã trưởng thành không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Cháu Lưu Hoàng A (nam, sinh ngày 17/10/2007) thì tại biên bản ghi ý kiến ngày 02/10/2019, cháu có nguyện vọng được mẹ là người trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu cha cấp dưỡng nuôi con, chị N cũng yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hoàng A và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con, hiện nay chị N cũng là người đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hoàng A từ khi ly thân với anh H cho đến nay. Do đó, cần tiếp tục giao cháu Hoàng A cho chị N được trực tiếp nuôi dưỡng và anh H không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu. Nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Căn cứ Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý

và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị N phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 8 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228; Điều 271; Khoản 1 Điều 273; Điều 278 và Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Khoản 1 Điều 14; Khoản 2 Điều 53; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị Sà N.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Trần Thị Sà N với anh Lưu H;

2. *Về con chung:* Giao cháu Lưu Hoàng A (nam, sinh ngày 17/10/2007) cho chị Trần Thị Sà N tiếp tục nuôi dưỡng. Anh Lưu H không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Anh Lưu H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. *Về tài sản chung và nợ chung:* Không xem xét giải quyết;

4. *Về án phí:* Chị Trần Thị Sà N phải nộp là 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000507 ngày 14 tháng 8 năm 2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã V, tỉnh Sóc Trăng. Chị N đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt được kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được cấp, tổng đạt hợp lệ theo quy định pháp luật. Để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi hành án Dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi hành án Dân sự năm 2014; Thời hiệu thi hành

án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi hành án Dân sự năm 2014.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh ST;
- VKSND tỉnh ST;
- VKSND TX. VC;
- THADS TX. VC;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phan Lê Vũ Huy Hoàng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Lê Vũ Huy Hoàng